

ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI CAO TUỔI Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ

PHAN THUẬN*

Từ khóa: người cao tuổi, già hóa dân số, sức khỏe, thu nhập, tình trạng việc làm, thu xếp cuộc sống, nhu cầu giao lưu.

Ngày nhận bài: 23/7/2021; ngày gửi phản biện: 24/7/2021; ngày duyệt đăng bài: 02/12/2021.

1. Giới thiệu

Già hóa dân số là quá trình tất yếu của sự phát triển dân số và là thành tựu phát triển của nhân loại, cho nên không thể loại trừ quá trình này trong tiến trình phát triển của lịch sử (Foot, 2008; Takao, 2009; Lê Thị, 2011, tr. 57 - 65; UNFPA, 2011; Lê Văn Khảm, 2014, tr. 77 - 86; Aon, 2017). Trong bối cảnh già hóa dân số, người cao tuổi (NCT) có xu hướng tăng nhanh và có rất nhiều nguy cơ tổn thương.

Các nghiên cứu (Trần Thị Vân Anh, 2008, tr. 15 - 27; UNFPA, 2014; Giang Thanh Long và Đỗ Thị Thu, 2019; Kumagai, 2019) cho rằng, thu nhập của NCT là một trong những vấn đề đáng quan tâm, bởi đa số NCT đều có thu nhập thấp và bấp bênh, trong đó nguồn thu nhập của NCT chủ yếu là từ hỗ trợ của con cháu, hỗ trợ của nhà nước, lương hưu và tự buôn bán/kinh doanh. Có sự khác biệt thu nhập giữa nam và nữ, thành thị và nông thôn (Trần Thị Vân Anh, 2008, tr.15 - 27). Tuy nhiên, tỉ lệ NCT có lương hưu còn rất ít và độ bao phủ hỗ trợ xã hội còn thấp. Vẫn còn khoảng 70% dân số trong độ tuổi từ 60 - 79 không được nhận bất kì sự hỗ trợ thu nhập nào từ các chương trình của Chính phủ. Tình trạng lạm phát đã làm giá trị thật của lương hưu giảm xuống khoảng 33% kể từ năm 2010 (UNFPA, 2014).

Nhu cầu việc làm là một trong những nhu cầu chính đáng của NCT, bởi vì họ cũng cần có việc làm để đảm bảo cuộc sống. Tuy nhiên, cơ hội việc làm của NCT là một trong những vấn đề đặt ra hiện nay. Không phải NCT nào cũng có may mắn tìm kiếm được việc làm phù hợp sức khỏe và tuổi tác của họ (Phan Thuận, 2020b). Nếu có thì đa số NCT tìm kiếm những công việc có thu nhập thấp, bấp bênh (Giang Thanh Long và Đỗ Thị Thu, 2019). Bởi lẽ tình trạng định kiến, phân biệt tuổi tác có thể ngăn cản họ ở lại hoặc quay trở lại làm việc. Có hơn 42% người từ 55 tuổi trở lên bị phân biệt đối xử (Government office for Science, 2016, tr. 34). Ngoài ra, thông tin việc làm dành cho NCT cũng rất hạn chế và đa số họ có việc làm chủ yếu dựa vào mối quan hệ quen biết (Giang Thanh Long và Đỗ Thị Thu, 2019).

Sức khỏe là một trong những vấn đề luôn tạo ra nhiều thách thức cho NCT. Các nghiên cứu (Dương Huy Lương, 2010; Lê Xuân Cừ và Phạm Hải Hưng, 2018) đã chỉ rõ, sức khỏe của NCT tỉ lệ nghịch với tuổi tác. Sức khỏe của NCT càng hạn chế thì càng ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của họ; chất lượng cuộc sống của NCT giảm dần

* ThS, NCS.; Học viện Chính trị khu vực IV, Tp. Cần Thơ.

theo nhóm tuổi; NCT nam có chất lượng sống cao hơn NCT nữ (Dương Huy Lương, 2010). Có khoảng 95% NCT có bệnh, chủ yếu là bệnh mãn tính không lây truyền, trung bình 1 NCT ở Việt Nam mắc 3 bệnh. Cho nên, gánh nặng bệnh tật kép ở NCT đòi hỏi nhà nước, cộng đồng và gia đình phải đầu tư nguồn ngân sách đáng kể cho công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc y tế cho NCT (Lê Xuân Cừ và Phạm Hải Hưng, 2018).

Thu xếp cuộc sống của NCT cũng được nhiều nghiên cứu quan tâm. Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng, NCT thường lựa chọn sống chung với con cái, đặc biệt là con trai cả trong gia đình (Bế Quỳnh Nga, 2005, tr. 65 - 72; Dương Chí Thiện, 2001, tr. 54 - 61). Tuy nhiên, trong bối cảnh già hóa dân số, quy mô và cấu trúc gia đình đã thay đổi, từ gia đình mở rộng sang gia đình hạt nhân và gia đình đông con sang gia đình ít con. Điều này đã khiến cho NCT có xu hướng sống một mình ngày càng nhiều hơn (Phan Thuận, 2020b). Xu hướng sống đơn thân và cô đơn cũng là một hiện tượng xã hội của NCT trong bối cảnh già hóa dân số. NCT có xu hướng cô đơn ngày càng nhiều, đặc biệt đối với những NCT mà bạn đời của họ đã mất hoặc ít bạn bè và giới hạn tương tác với người khác (Jaafar và Romil, 2019). Theo Age UK, hơn hai triệu người Anh từ 75 tuổi trở lên sống cô đơn và hơn 1 triệu người nói rằng hơn 1 tháng họ không nói chuyện với bạn bè, hàng xóm hoặc thành viên trong gia đình. Sự cô đơn của NCT sẽ tác động tiêu cực đến đời sống của họ (www.nhs.uk). Nhiều nghiên cứu cho thấy, sự cô đơn có liên quan đến bệnh mất trí nhớ, trầm cảm, giảm chất lượng giấc ngủ, giảm hoạt động thể chất và chết yếu (Jaafar và Romil, 2019).

Thành phố Cần Thơ là một trong những trung tâm phát triển kinh tế - xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long. Trong thập niên vừa qua (2009 - 2019), tỉ lệ NCT từ 60 tuổi trở lên ở Tp. Cần Thơ chỉ 7,76% năm 2009 đã tăng lên 11,98% vào năm 2019 (Tổng cục Thống kê, 2019). Tuổi thọ trung bình của dân số thành phố cũng tăng từ 75,5 tuổi lên 75,9 tuổi, trong đó tuổi thọ của nữ là 78,7 tuổi và nam là 73,3 tuổi (Tổng cục Thống kê, 2019). Chỉ số già hóa của thành phố là 59,7%, tăng 24,2 điểm phần trăm so với năm 2009 (35,5%), tỉ số cụ bà/100 cụ ông từ 60+ là 138,4 (Cục Thống kê Tp. Cần Thơ, 2019). Tuy nhiên, chất lượng cuộc sống của NCT nơi đây thì chưa có đánh giá cụ thể từ nghiên cứu sâu trong thời gian qua. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi tập trung phân tích thực trạng đời sống NCT ở Tp. Cần Thơ trong bối cảnh già hóa dân số nhằm góp phần bổ sung vào “khoảng trống” nghiên cứu về vấn đề này và kiến nghị hàm ý chính sách nhằm giúp cho NCT “sống vui, sống khỏe và sống có ích”.

2. Khái niệm và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khái niệm

Mỗi tổ chức quốc tế có cách nhận diện NCT khác nhau. Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNPFA), trong Báo cáo tóm tắt “Già hóa trong thế kỉ XXI: Thành tựu và thách thức” công bố năm 2012 hàm ý NCT là những người có độ tuổi từ 60 trở lên (UNPFA, 2011). Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) trong Công ước số 128 năm 1967 về trợ cấp khuyết tật, trợ cấp tuổi già và trợ cấp người sống sót thì xác định NCT là từ 65 tuổi trở lên (ILO, 1967). Cơ quan Thống kê của Liên minh châu Âu (Eurostat) cũng coi NCT là những người từ 65 tuổi trở lên (CESCR, 1995).

Tại Việt Nam, theo Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 được Quốc hội khóa XII, kì họp thứ 6 thông qua ngày 23/11/2009, NCT được quy định là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên, đối với cả nam và nữ (Quốc hội, 2009).

Già hóa dân số đã trở thành chủ đề quan tâm không chỉ ở các nước trên thế giới mà cả Việt Nam. Già hóa dân số là quá trình thay đổi cấu trúc dân số theo xu hướng gia tăng tỉ lệ NCT và điều này thường phản ánh qua tăng tuổi thọ trung bình, giảm tỉ lệ trẻ em và tăng tỉ lệ dân số trung niên (Economic and Social Affairs, 2013). Theo UNFPA, khi dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 7% - 9,9% tổng dân số thì được coi là “già hóa” (UNFPA, 2011, tr. 2). Tương tự, từ 10 - 19,9% gọi là dân số “già”; từ 20 - 29,9% gọi là dân số “rất già” và từ 30% trở lên gọi là dân số “siêu già”. Với Việt Nam, dân số được xem như “già hóa” nếu tỉ trọng nhóm dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 7 - 10% tổng dân số (Tổng cục Thống kê, 2017, tr. 30).

Theo tác giả Trịnh Duy Luân (1992, tr. 63 - 67), NCT là một bộ phận cấu thành cơ cấu xã hội với những đặc thù riêng của họ. Dưới góc nhìn xã hội học, nghiên cứu NCT cần xem xét ở hai chiều cạnh quan trọng: (1) Vị trí và vai trò của nhóm NCT trong cơ cấu xã hội và (2) Lối sống. Ở khía cạnh cơ cấu xã hội, nghiên cứu NCT xem xét sự chuyển dịch từ nhóm xã hội này sang nhóm xã hội khác trong cơ cấu xã hội, bởi vì họ đã rời lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp vào nhóm NCT. Ở khía cạnh về lối sống, nghiên cứu NCT cần quan tâm đến lĩnh vực hoạt động sống (hoạt động nghỉ ngơi, thư giãn, làm việc) và mối quan hệ giữa NCT trong gia đình (thu xếp cuộc sống...). Đây là cơ sở để nghiên cứu khắc họa lên đời sống của NCT ở các chiều cạnh như thu nhập và sinh kế, sức khỏe, tình trạng việc làm, thu xếp cuộc sống, nhu cầu giao lưu và hoạt động trong thời gian rỗi.

Tác giả Diener và cộng sự (1985) cho rằng, sự hài lòng với cuộc sống là “một sự đánh giá tổng thể về chất lượng sống của một cá nhân dựa trên những tiêu chí của chính mình” (Diener và cộng sự, 1985). Một quan niệm khác cũng cho thấy, “sự hài lòng với cuộc sống là sự bằng lòng hoặc chấp nhận với các điều kiện sống hoặc sự thỏa mãn các nhu cầu và mong muốn về cuộc sống nói chung” (Nguyễn Thị Xuân Mai, 2019). Như vậy, các quan niệm trên đều thống nhất rằng, *sự hài lòng về cuộc sống là cá nhân tự so sánh giữa cái đạt được với tiêu chí mình đưa ra và thỏa mãn với những tiêu chí đó trong bối cảnh cụ thể*. Thang đo “sự hài lòng với cuộc sống” (Satisfaction with Life Scale) gồm 5 chỉ báo (Diener và cộng sự, 1985). Để thực hiện việc đo lường này, các câu hỏi được thiết kế theo thang điểm Likert với 5 bậc.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá thực trạng đời sống NCT ở Tp. Cần Thơ, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu có sẵn nhằm hình thành khung phân tích của vấn đề nghiên cứu; các báo cáo, thống kê của địa phương. Ngoài ra, nghiên cứu cũng thực hiện thu thập thông tin bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu. Cuộc khảo sát được tiến hành trong quý 1/2021. Đối tượng NCT từ 60 - 75 tuổi ở 6 quận, huyện Tp. Cần Thơ như Cái Răng, Bình Thủy, Phong Điền, Ninh Kiều, Thới Lai và Vĩnh Thạnh với số lượng 399 NCT được lựa chọn trên cơ sở nhóm tổng thể NCT (ước tính sai số cho phép là 5%). Nhóm NCT từ lựa chọn nghiên cứu có đặc điểm: thứ nhất, nhóm tuổi này còn có khả năng tham gia nhiều hoạt động trong đời sống xã hội, họ có thể vừa tham gia kiếm tiền vừa chăm sóc thành viên gia đình, cho nên nhóm NCT này dễ đối diện với những cú sốc

kinh tế; thứ hai, nhóm NCT vẫn còn minh mẫn để tham gia phỏng vấn của nghiên cứu; thứ ba, do nguồn lực của nghiên cứu còn hạn chế cho nên không thể mở rộng khách thể ở các nhóm tuổi cao hơn.

Độ tuổi trung bình của NCT được khảo sát là 66,4 tuổi; trong đó, nhóm tuổi từ 60 - 64 chiếm 36,1%; từ 65 - 69 tuổi chiếm 37,3% và từ 70 - 75 tuổi chiếm 22,6%. Với 399 NCT được lựa chọn ngẫu nhiên để khảo sát, có 68,4% NCT sống ở thành thị và 31,6% sống ở nông thôn; nam giới cao tuổi chiếm 44,9%, nữ giới cao tuổi chiếm 55,1%. Có 58,4% NCT đánh giá mức sống của họ thuộc nhóm trung bình; 27,1% thuộc nhóm khá giả trở lên và 14,5% thuộc nhóm cận nghèo trở xuống.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Nguồn thu nhập

Thu nhập của NCT là một trong những vấn đề cần phải quan tâm trong bối cảnh già hóa dân số, bởi một trong những khó khăn của NCT phải đối mặt là tài chính. Câu hỏi đặt ra là NCT ở Tp. Cần Thơ có thu nhập như thế nào?. Kết quả khảo sát cho thấy, 92,0% NCT cho rằng họ có thu nhập từ nhiều nguồn khác nhau. Tính bình quân, nguồn mang lại thu nhập cho NCT là 1,3 nguồn/người, trong đó cao nhất là 4 và thấp nhất là 1 nguồn thu. Có 73,0% cho rằng họ có 1 nguồn thu nhập và có 27,0% có từ nguồn thu nhập thứ hai trở lên.

Số liệu bảng 1 cho thấy, gần 1/2 tổng số NCT có thu nhập từ sự hỗ trợ của con cháu và 32,1% từ lương hưu. Ngoài ra, thu nhập của NCT còn từ hoạt động như buôn bán, làm thuê, cho thuê nhà, v.v.. Có thể nói, nguồn thu nhập của NCT ở Tp. Cần Thơ khá đa dạng. Mặc dù vậy, sự hỗ trợ của con cháu vẫn là nguồn thu nhập cao nhất của NCT và điều này phản ánh truyền thống hiếu thảo của người Việt Nam nói chung, người dân Tây Đô nói riêng vẫn còn duy trì trong bối cảnh xã hội đang chuyển đổi nhanh. Bên cạnh đó, vẫn còn một tỉ lệ nhỏ (8,0%) NCT không có thu nhập là do trong số đó có một bộ phận NCT đang sống tại trung tâm nuôi dưỡng người già của thành phố và có một bộ phận cho rằng, họ được con cháu nuôi.

Bảng 1: Nguồn thu nhập theo khu vực sống

Nguồn sinh kế	Tỉ lệ (%)		
	Nông thôn N=(126)	Thành thị N=(273)	Chung N=399
Lương hưu	17,5	38,8(*)	32,1
Buôn bán	16,7	20,5(*)	19,3
Tiền lương do làm thuê, mướn	4,0	5,5	5,0
Con cháu chu cấp/hỗ trợ	59,5	41,0(*)	46,9
Nhà nước hỗ trợ	6,3	2,6	3,8
Các mạnh thường quân/nhà hảo tâm	0,8	0,7	0,8
Thu nhập từ (thuê nhà, thu hoạch nông sản, v.v.)	18,3	8,8	11,8
Không có	3,2	10,3	8,0
* Ý nghĩa thống kê $p=10\%$			

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2021.

Xét theo khu vực sống, NCT ở thành thị có thu nhập từ lương hưu cao gấp 2 lần so với ở nông thôn và thu nhập từ hoạt động buôn bán của NCT ở thành thị cũng cao hơn nông thôn; trong khi đó, NCT được con cháu chu cấp/hỗ trợ ở nông thôn cao hơn so với thành thị. Điều này cho thấy, có sự khác biệt về nguồn thu nhập (lương hưu và con cháu hỗ trợ) giữa NCT ở thành thị và nông thôn. Sự khác biệt này một phần là do ở khu vực thành thị có nhiều cơ hội việc làm phi nông nghiệp và tham gia đóng bảo hiểm xã hội cao hơn so với khu vực nông thôn.

Tổng thu nhập của NCT ở Tp. Cần Thơ từ các nguồn tính bình quân hàng tháng khoảng 4,0 triệu đồng/người/tháng, cao hơn 0,6 triệu đồng/người/tháng so với thu nhập bình quân của NCT ở đồng bằng sông Cửu Long (Phan Thuận, 2020b) nhưng thấp hơn mức thu nhập bình quân của toàn Tp. Cần Thơ là 0,7 triệu đồng/người/tháng (Tổng cục Thống kê, 2020). Trong đó, nhóm 20% có thu nhập thấp nhất (dưới 1 triệu) chỉ có 1 nguồn thu nhập, chiếm 22,5% so với 2,0% người có 2 nguồn thu nhập trong cùng nhóm thu nhập (xem bảng 2). Trong khi đó, có 38,4% NCT thuộc nhóm 20% có thu nhập cao nhất (từ 7 triệu đồng/người/tháng trở lên) có từ 2 nguồn thu nhập trở lên so với 16,5% có 1 nguồn thu nhập trong cùng nhóm thu nhập. Có 78,6% trong nhóm 20% có thu nhập cao nhất có nguồn thu nhập là lương hưu; trong khi đó, nhóm thuộc 20% có thu nhập thấp nhất tập trung ở nguồn thu nhập từ con cháu hỗ trợ (55,9%); các nhóm ở khoảng giữa tập trung nguồn thu nhập liên quan đến buôn bán, làm thuê, mướn, v.v.

Bảng 2: Nhóm thu nhập theo khu vực sống và số nguồn thu nhập

Nhóm thu nhập	Khu vực		Số nguồn thu nhập	
	Nông thôn N=125	Thành thị N=273	Ti lệ (%)	
			01 N=298	2 trở lên N=100
Nhóm 1 (thu nhập thấp nhất)	34,4	18,3(***)	30,5	2,0(***)
Nhóm 2	15,2	15,4	17,8	8,0
Nhóm 3	24,8	20,1	19,5	28,0
Nhóm 4	18,4	19,4	17,4	24,0
Nhóm 5 (thu nhập cao nhất)	7,2	26,8	14,8	38,0
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0

*** Ý nghĩa thống kê $p=1\%$

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2021.

NCT thuộc 20% nhóm thu nhập thấp nhất ở nông thôn chiếm 34,4% so với 18,3% của NCT ở thành thị cùng nhóm thu nhập; trong khi đó, NCT thuộc nhóm 20% thu nhập cao nhất ở thành thị cao gấp 3 lần so với ở nông thôn (xem bảng 2). Cụ thể là, NCT ở thành thị có thu nhập bình quân là 4,7 triệu đồng/người/tháng, cao hơn 1,5 triệu đồng so với NCT ở nông thôn (3,2 triệu đồng/người/tháng). Điều này cho thấy, thu nhập của NCT ở thành thị cao hơn so với nông thôn (Trần Thị Vân Anh, 2008, tr. 15 - 27).

Xét ở chiều cạnh nhóm tuổi, bằng phép kiểm định One Way - Anova cho thấy, có sự khác biệt thu nhập giữa các nhóm tuổi ($\text{sig}=0,04$). Cụ thể, nhóm NCT từ 60 - 64 tuổi có thu nhập bình quân là 4,5 triệu đồng/người/tháng; nhóm NCT từ 65 - 69 tuổi có

thu nhập bình quân là 4,0 triệu đồng/người/tháng và nhóm NCT từ 70 - 75 tuổi có thu nhập bình quân là 3,2 triệu đồng/người/tháng. Điều này cho thấy, thu nhập của NCT giảm dần theo nhóm tuổi. Câu hỏi đặt ra là, liệu nữ giới cao tuổi và nam giới cao tuổi có khác nhau về thu nhập theo nhóm tuổi không? Kiểm định vấn đề này cho thấy, sự khác biệt thu nhập giữa các nhóm tuổi chỉ diễn ra ở nhóm nữ giới cao tuổi ($\text{sig}=0,003$) và không tìm thấy sự khác biệt ở nhóm nam giới. Nhóm nữ giới từ 60 - 64 tuổi có thu nhập bình quân là 4,5 triệu đồng/người/tháng; 3,8 triệu đồng/người/tháng ở nhóm nữ giới từ 65 - 69 tuổi và nhóm từ 70 - 75 tuổi là 2,8 triệu đồng/người/tháng. Như vậy, nhóm nữ giới cao tuổi là nhóm có nguy cơ đối diện với thiếu hụt tài chính (Mai Phương, 2011, tr. 30 - 32; Trần Thị Vân Anh, 2008, tr. 15 - 27).

Ngoài ra, nghiên cứu còn cho thấy có tình trạng phân hóa thu nhập trong từng nhóm NCT. Ước tính bình quân thu nhập của 20% NCT thuộc nhóm thu nhập thấp nhất là 0,85 triệu đồng/người/tháng và 20% của NCT thuộc nhóm thu nhập cao nhất là 10 triệu đồng/người/tháng. Chênh lệch thu nhập giữa nhóm có thu nhập cao nhất và thấp nhất là 12,5 lần. Sự chênh lệch này cao hơn rất nhiều so với chênh lệch chung của thành phố (7,2 lần) (Tổng cục Thống kê, 2020). Trong đó, chênh lệch thu nhập của NCT có lương hưu so với có con cháu hỗ trợ, làm thuê lần lượt là 2,6 lần và 1,2 lần. Điều này cho thấy, có sự phân hóa rất rõ ràng giữa các nhóm NCT có các nguồn sinh kế khác nhau. Vì thế, đa dạng hóa sinh kế cho NCT và khuyến khích người lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội là một trong những biện pháp giúp họ chuẩn bị ứng phó với những thách thức tài chính khi hết tuổi lao động.

3.2. Tình trạng việc làm

Theo báo cáo phát huy vai trò của NCT, toàn thành phố có 1.362 NCT làm chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh có giấy phép đăng kí, trong đó quận Ninh Kiều có 36 người, quận Cái Răng có 129 người, quận Bình Thủy có 35 người, huyện Phong Điền có 51 người, huyện Thới Lai có 15 người và huyện Vĩnh Thạnh có 156 người (Ban đại diện NCT Tp. Cần Thơ, 2020). Có thể nói, NCT vẫn tham gia tích cực vào hoạt động kinh tế và khẳng định được vai trò của mình đối với phát triển kinh tế - xã hội ở thành phố. Điều này được củng cố thông qua dữ liệu định tính từ chia sẻ của Chủ tịch Hội NCT quận Cái Răng: “NCT của quận rất tích cực trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nhiều người nhiều năm liền đạt danh hiệu NCT làm kinh tế giỏi”. Rõ ràng, tuổi càng cao, ý chí quyết tâm làm giàu càng cao và điều này trở thành tấm gương để cho tuổi trẻ học tập.

Người cao tuổi ở thành thị và nông thôn đều không làm gì hoặc chỉ làm công việc nội trợ chiếm tỉ lệ khá cao (khoảng 60,3% ở nông thôn và 57,5 ở thành thị). NCT tham gia công việc nghiên cứu, giảng dạy ở thành thị chiếm 1,8% so với 0% ở nông thôn, buôn bán (18,3% ở thành thị so với 15,1% ở nông thôn), nghề tự do, dịch vụ (5,5% ở thành thị so với 1,6% ở nông thôn; làm ruộng/vườn ở nông thôn chiếm 19,8% so với 9,2% ở thành thị). Sự khác biệt này là do điều kiện của khu vực sống ảnh hưởng đến lựa chọn loại công việc của NCT sau tuổi 60. Đặc biệt, ở thành thị thuận lợi cho các loại công việc như buôn bán, giảng dạy, nghiên cứu và dịch vụ hơn ở nông thôn. Ở chiều cạnh nhóm tuổi, đa số NCT từ 70 - 75 tuổi không làm gì chiếm tỉ lệ 74,6% so với 46,3%

của nhóm NCT từ 60 - 64 tuổi và 57,6% của nhóm NCT từ 65 - 69 tuổi. Ngược lại, nhóm NCT từ 60 - 64 tuổi vẫn còn tham gia hoạt động kiếm tiền chiếm tỉ lệ cao so với các nhóm tuổi từ 65 - 75 tuổi. Rõ ràng, có sự khác biệt công việc hiện tại theo nhóm tuổi.

Bảng 3: Công việc trước 60 tuổi và hiện tại của người cao tuổi Tp. Cần Thơ

Tỉ lệ %

	Công việc trước 60 tuổi								Tổng
	Công việc	Cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan Nhà nước	Làm ruộng, vườn	Công nhân, lao động tại doanh nghiệp, công ty ngoài Nhà nước	Tự buôn bán/ kinh doanh	Nghề tự do, dịch vụ (xe ôm, bán vé số, cắt tóc, v.v.)	Nội trợ/ làm công việc nhà	Không làm gì cả	
		(121)	(94)	(23)	(73)	(24)	(53)	(11)	(399)
Công việc hiện tại	Tham gia hoạt động nghiên cứu, giảng dạy	4,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	1,3
	Làm ruộng/vườn	7,4	41,5	4,3	1,4	0,0	0,0	0,0	12,5
	Tự buôn bán/ kinh doanh	6,6	13,8	17,4	57,5	8,3	0,0	0,0	17,3
	Nghề tự do, dịch vụ (xe ôm, bán vé số, cắt tóc, v.v.)	1,7	3,2	13,0	4,1	25,0	0,0	0,0	4,3
	Tham gia các tổ chức ở địa phương	14,9	0,0	4,3	0,0	25,0	0,0	0,0	6,3
	Về hưu, không làm gì cả	51,2	0,0	30,4	0,0	0,0	0,0	0,0	17,3
	Về hưu/ Nội trợ/ làm việc nhà	11,6	20,2	8,7	21,9	29,2	81,1	0,0	25,2
	Không làm gì cả	2,5	21,3	21,9	15,1	12,5	18,9	100,0	15,8
	Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2021.

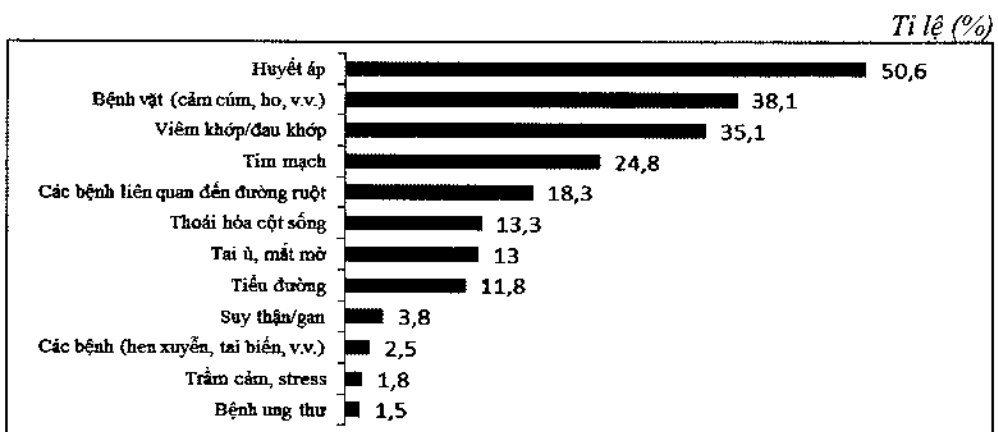
Sự chuyển dịch công việc là một trong những vấn đề cần xem xét khi nghiên cứu NCT với tư cách như một bộ phận cấu thành cơ cấu xã hội (Trịnh Duy Luân, 1992, tr. 63 - 67). Ở bảng 3 cho thấy, sự thay đổi công việc của NCT trước 60 tuổi và hiện tại thể hiện rất rõ ở một số nhóm xã hội. Nhóm NCT có sự dịch chuyển công việc khá đa dạng, sau 60 tuổi thì tập trung vào nhóm cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Hiện tại, một số NCT trước đó làm giảng viên, nghiên cứu thì vẫn tiếp tục tham gia nghiên cứu, giảng dạy;

đa số NCT là cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước sau khi hết tuổi lao động thì họ nghỉ ngơi và một bộ phận khác thì chuyển sang hướng kinh doanh, buôn bán hoặc làm dịch vụ, tham gia các tổ chức ở địa phương. Nhóm NCT trước đây làm công nhân, lao động thì dịch chuyển sang nghề tự do, tham gia các tổ chức ở địa phương, buôn bán và nghỉ ngơi. Trong khi đó, NCT trước đó có công việc làm vườn/làm ruộng, buôn bán thì ít có sự dịch chuyển công việc sau tuổi 60. Đa số họ vẫn duy trì công việc đó, nhưng cũng có một bộ phận chuyển sang nghỉ ngơi hoặc làm công việc nội trợ. Nhóm NCT làm công việc nhà, nội trợ hoặc không làm gì thì không thấy có sự dịch chuyển. Điều này cho thấy, sự dịch chuyển công việc chủ yếu thuộc các nhóm NCT làm công ăn lương trước đó. Bởi vì, khi hết tuổi lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức họ đã tìm kiếm các công việc khác nhau để đảm bảo thu nhập cho cuộc sống. Sự tham gia vào các công việc khác nhau cũng có ảnh hưởng ít nhiều đến việc sử dụng thời gian dành cho các hoạt động trong đời sống hàng ngày của NCT.

3.3. Sức khỏe

Tuổi tác và sức khỏe vốn có mối quan hệ trái chiều nhau (Dương Huy Lương, 2010) và theo ước tính, có khoảng 95% NCT ở Việt Nam mắc ít nhất 01 chứng bệnh (Lê Xuân Cừ và Phạm Hải Hưng, 2018), có hơn 50% NCT ở đồng bằng sông Cửu Long mắc ít nhất 02 căn bệnh trở lên (Phan Thuận, 2020a, tr. 24 - 32). Đa số NCT mắc các bệnh thoái hóa khớp, đau khớp, tim mạch, huyết áp (Văn Thị Ngọc Lan, 2008, tr. 43 - 48; Phan Thuận, 2020a, tr. 24 - 32). Đánh giá tình trạng sức khỏe trong 12 tháng qua của NCT ở thành phố cho thấy, có 65,2% NCT mắc ít nhất một loại bệnh trở lên, trong đó có cả bệnh do thoái hóa theo thời gian và bệnh do thay đổi lối sống (xem biểu đồ 1). Một số bệnh như đau khớp, thoái hóa cột sống, suy thận thường được xem là những căn bệnh thể hiện sự thoái hóa theo thời gian, trong khi các bệnh huyết áp, tiểu đường, tim mạch, v.v. là những căn bệnh do sự thay đổi lối sống. Cơ cấu bệnh tật của NCT ở Việt Nam đang chuyển từ bệnh lây nhiễm sang bệnh mãn tính, không lây nhiễm và NCT ở Tp. Cần Thơ cũng giống như NCT của cả nước đang mang bệnh tật kép (UNFPA, 2011, tr. 27).

Biểu đồ 1: Cơ cấu bệnh tật của người cao tuổi ở Tp. Cần Thơ



Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2021.

Đánh giá tình trạng sức khỏe tốt giảm dần theo nhóm tuổi, có 39,7% NCT ở nhóm tuổi từ 60 - 64 đánh giá sức khỏe trong 12 tháng qua là tốt, tỉ lệ này ở nhóm tuổi từ 65 - 69 và 70 - 75 là 37,2% và 23,1% ($\text{sig}=0,003$). Ở chiều cạnh giới cho thấy, đánh giá tình trạng sức khỏe của NCT từng nhóm tuổi chỉ có ý nghĩa thống kê đối với nhóm nữ giới cao tuổi ($\text{sig}=0,005$) và không tìm thấy sự khác biệt ở nhóm nam giới. Nhóm nữ giới từ 60 - 64 tuổi đánh giá sức khỏe tốt chiếm 66,7%; tỉ lệ này giảm dần theo nhóm tuổi là 47,0% ở nhóm 65 - 69 tuổi và 39,6% ở nhóm từ 70 - 75 tuổi. Bằng chứng này cho thấy, nữ giới càng cao tuổi thì càng có nguy cơ tổn thương về sức khỏe (Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, 2011).

Sức khỏe không tốt sẽ trở thành rào cản đối với việc tham gia các hoạt động hàng ngày, cho nên sức khỏe có ảnh hưởng đến chất lượng sống của NCT. Vì thế, cải thiện sức khỏe cho NCT ở Tp. Cần Thơ là một trong những vấn đề cần quan tâm nhằm góp phần nâng cao chất lượng tuổi thọ, hướng đến già hóa tích cực trong thời gian tới.

3.4. Thu xếp cuộc sống

Sự lựa chọn mô hình thu xếp cuộc sống của NCT còn chịu chi phối từ nhiều yếu tố khách quan lẫn chủ quan (Dương Chí Thiện, 2001, tr. 54 - 61). NCT ở Việt Nam nói chung, ở Tp. Cần Thơ nói riêng cũng có sự lựa chọn mô hình phù hợp với điều kiện thực tế. Bối cảnh già hóa dân số đã khiến NCT dễ bị rơi vào tình trạng cô đơn ngày càng nhiều hơn, bởi vì khi đó, người già thu hẹp mối quan hệ xã hội, hoặc bị mất bạn bè, người thân, thậm chí bạn đời của họ (Adu-bediaka, 2013), cộng với sự chuyển đổi từ cấu trúc gia đình mở rộng sang gia đình hạt nhân (Phan Thuận, 2020a). Câu hỏi đặt ra là NCT ở Tp. Cần Thơ lựa chọn mô hình thu xếp cuộc sống như thế nào? Kết quả khảo sát cho thấy, có 64,2% NCT lựa chọn đang chung sống với vợ/chồng, 58,6% đang sống chung với con cháu, có 7,8% đang sống một mình và có 2,6% đang sống với người thân khác. Rõ ràng, NCT lựa chọn sống độc lập với người bạn đời của họ và mô hình sống chung với con cháu không phải lựa chọn tuyệt đối, điều này cho thấy bối cảnh già hóa dân số đã ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn mô hình thu xếp cuộc sống, bởi lẽ mô hình gia đình ít con và xu hướng sống riêng của các cặp vợ chồng trẻ ngày càng phổ biến hơn. Bên cạnh đó, có một bộ phận nhỏ cũng sống với người thân khác hoặc một mình. Đa số những trường hợp này thường đang sống đơn thân hoặc độc thân.

“Sống ở đâu?” cũng là một trong những vấn đề liên quan đến thu xếp cuộc sống. Kết quả khảo sát cho thấy, có 84,0% NCT đang sống ở nhà của họ, có 12,0% đang sống ở nhà của con cháu và một tỉ lệ khá nhỏ đang sống ở phòng trọ hoặc trung tâm nuôi dưỡng người già và những nơi khác (4,0%). Điều này cho thấy, đa số NCT ở Tp. Cần Thơ có không gian sống riêng của mình; song vẫn còn có một bộ phận NCT phải “vay mượn” không gian để sống tiếp chuỗi ngày còn lại của tuổi già. NCT không có nhà thường là những người già hoàn cảnh neo đơn, đặc biệt khó khăn hoặc họ di chuyển từ các địa phương khác đến thành phố để mưu sinh.

Kết quả khảo sát ở Tp. Cần Thơ cho thấy, sự hài lòng về cuộc sống của NCT còn sống chung với vợ/chồng của mình là 3,1/5 điểm so với 2,9 điểm của nhóm không sống chung với vợ/ chồng. Tương tự, sống với con cái chỉ có 2,97 điểm so với 3,06 điểm của nhóm không sống chung với con cái; sống một mình và sống với người khác là 2,63 điểm và 2,27 điểm so với 3,03 điểm và 3,02 điểm của những người không sống một mình và không sống với người khác. NCT sống ở nhà riêng của họ có chỉ số hài lòng là 3,15 điểm so với 3,02 điểm của nhóm NCT sống ở nhà con cháu và 2,48 điểm của nhóm sống ở nơi khác (trung tâm nuôi dưỡng người già, người thân, ở trọ, v.v.). Như vậy, nhóm NCT còn sống chung với vợ/chồng và sống ở nhà mình thì có mức độ hài lòng cao hơn các nhóm khác. Điều này cho thấy, NCT chỉ hạnh phúc khi ở chung với người bạn đời, có lẽ chỉ có người bạn đời mới có thể hiểu và chia sẻ với nhau. Nhóm NCT sống một mình thường cảm thấy cô đơn, buồn tẻ hơn.

3.5. Nhu cầu giao lưu với bạn bè

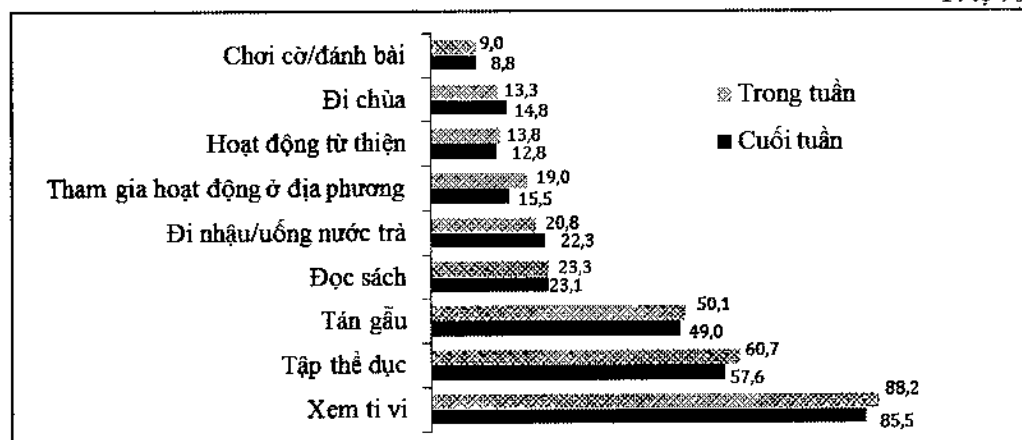
Nhu cầu giao lưu là nhu cầu chính đáng của con người và điều này có ý nghĩa quan trọng đối với cuộc sống. NCT cũng có những nhu cầu cơ bản của họ, trong đó có nhu cầu giao lưu bạn bè. Qua kết quả khảo sát ở Tp. Cần Thơ cho thấy, có 70,8% NCT cho rằng có nhu cầu giao lưu với bạn bè. Theo lý thuyết nhu cầu của Maslow, con người muốn đạt được nhu cầu nào đó thì khi đó họ có hành động để đạt được nhu cầu đặt ra. Khi có nhu cầu giao lưu bạn bè thì con người có xu hướng tìm đến nhiều hoạt động xã hội hơn và qua đó hình thành nhiều mối quan hệ xã hội. Khi đó, họ dành nhiều thời gian để tiếp xúc, giao lưu với bạn bè. Nghiên cứu còn cho thấy, nam giới cao tuổi có nhu cầu giao lưu với bạn bè chiếm 79,8% so với 63,0% của nữ giới cao tuổi (ý nghĩa thống kê $\text{sig}=0.000$). Rõ ràng, khuôn mẫu giới đã chi phối nhu cầu giao lưu của NCT và điều này đã tác động đến cơ hội tham gia các hoạt động trong đời sống hàng ngày của NCT. Nhu cầu giao lưu của NCT khác nhau ở các nhóm tuổi: 80,6% NCT từ 60 - 64 tuổi có nhu cầu giao lưu với bạn bè; 63,1% của nhóm từ 65 - 69 tuổi và 67,3% của nhóm từ 70 - 75 tuổi ($\text{sig}=0,003$). Có 72,7% NCT ở thành thị có nhu cầu giao lưu so với 65,9% của NCT ở nông thôn, sự khác biệt này không nhiều và không có ý nghĩa thống kê.

3.6. Tham gia hoạt động trong thời gian rỗi

Hoạt động trong thời gian rỗi là một phần hoạt động của con người trong quỹ thời gian 24 giờ/ngày (Chu Khắc, 1988, tr. 97 - 101). Các nghiên cứu trước đây đã cho thấy, hoạt động trong thời gian rỗi của NCT rất đa dạng như xem tivi, đọc sách báo, hoạt động từ thiện, đi chùa, tham gia các sự kiện văn hóa. Kết quả khảo sát ở Tp. Cần Thơ cho thấy, có 94,7% NCT cho rằng họ có tham gia hoạt động thư giãn vào ngày trong tuần của ngày hôm qua và 84,7% NCT tham gia hoạt động này vào các ngày cuối tuần trước; trong đó, tỉ lệ NCT xem tivi chiếm cao nhất (88,2%) vào ngày trong tuần và 85,5% vào những ngày cuối tuần. Tiếp đến là tập thể dục các ngày trong tuần chiếm 60,7% và 57,6% vào các ngày cuối tuần và thấp nhất là hoạt động chơi đánh cờ/đánh bài chiếm dưới 10% vào các ngày trong tuần và cuối tuần (xem biểu đồ 2).

Biểu đồ 2: Hoạt động trong thời gian rảnh của người cao tuổi

Tỉ lệ %



Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2021.

Xét ở chiều cạnh giới tính, hoạt động xem tivi của nam giới cao tuổi chiếm 86,4% so với 88,4% của nữ giới cao tuổi; tỉ lệ này vào ngày cuối tuần là 87,1% của nữ giới cao tuổi so với 83,7% của nam giới cao tuổi. Hoạt động đọc sách/báo/nghiên cứu tài liệu của nam giới cao tuổi là 25,3% vào ngày trong tuần và 26,2% vào ngày cuối tuần; tỉ lệ này của nữ giới cao tuổi vào ngày trong tuần và cuối tuần lần lượt là 21,5% và 24,6%. Hoạt động đi thể dục, tán gẫu trò chuyện của nữ giới cao tuổi cao hơn nam giới cao tuổi cả những ngày trong tuần và cuối tuần. Hoạt động nhậu/uống trà, chơi đánh cờ/đánh bài của nam giới cao tuổi nhiều hơn nữ giới cao tuổi. Hoạt động đi chùa từ trước giờ đều nghĩ rằng nữ giới cao tuổi tham gia nhiều hơn nam giới cao tuổi nhưng khi khảo sát ở Tp. Cần Thơ cho thấy kết quả ngược lại, nam giới cao tuổi tham gia nhiều hơn nữ giới cao tuổi. Hoạt động từ thiện cả nam giới và nữ giới cao tuổi như nhau.

Xét ở chiều cạnh mức sống, nhóm NCT có mức sống khá giả đọc sách báo/nghiên cứu tài liệu chiếm 46,3%; 80,6% tập thể dục; 12,0% chơi cờ/đánh bài; 19,4% đi nhậu/uống trà; 26,9% tham gia các hoạt động tổ chức, câu lạc bộ ở địa phương và 20,4% tham gia hoạt động từ thiện. Tỉ lệ này của nhóm NCT có mức sống cận nghèo/ngheo vào ngày trong tuần là 5,2%; 44,8%; 5,2%; 8,6% và 10,3%. Tỉ lệ này diễn ra tương tự vào ngày cuối tuần.

Xét ở chiều cạnh nguồn thu nhập, nhóm NCT có lương hưu tham gia rất nhiều hoạt động thư giãn như 51,6% đọc sách báo/nghiên cứu tài liệu, 82,8% đi tập thể dục (sáng hoặc chiều); 10,9% chơi cờ/đánh bài; 36,7% tham gia các tổ chức, câu lạc bộ ở địa phương vào ngày trong tuần. Tỉ lệ này vào ngày cuối tuần lần lượt là 49,2%; 73,4%; 7,0%; 28,1%. Tỉ lệ này của NCT không có lương hưu thấp hơn nhiều, chẳng hạn có 10,0% đọc sách báo/nghiên cứu tài liệu vào ngày trong tuần; 50,2% tập thể dục; 8,1% chơi cờ/đánh bài; 10,7% tham gia hoạt động tổ chức, câu lạc bộ ở địa phương.

Như vậy, có sự khác biệt giới về tham gia hoạt động trong thời gian rảnh và sự khác biệt này tùy thuộc vào các hoạt động cụ thể. Nghiên cứu còn cho thấy, có sự khác biệt

về mức sống và lương hưu, NCT có mức sống khá giả, có lương hưu thì tham gia các hoạt động trong thời gian rỗi nhiều hơn so với nhóm cận nghèo trở xuống và người không có lương hưu.

4. Kết luận và kiến nghị hàm ý chính sách

Như vậy, chân dung đời sống của NCT ở Tp. Cần Thơ đã được khắc họa từ nhiều chiều cạnh khác nhau. Phát hiện của nghiên cứu này khá thống nhất với nghiên cứu trước đó rằng, NCT luôn phải đối diện với tình trạng sức khỏe và tình trạng sức khỏe giảm dần theo nhóm tuổi (Văn Thị Ngọc Lan, 2008, tr. 43 - 48; Dương Huy Lương, 2010; Lê Xuân Cừ và Phạm Hải Hưng, 2018; Phan Thuận, 2020a). Nguồn thu nhập của NCT cũng đa dạng nhưng chủ yếu là từ sự hỗ trợ của con cháu và các nguồn khác (Trần Thị Vân Anh, 2008, tr. 15 - 27; Phan Thuận, 2020a, tr. 24 - 32); thu nhập của NCT có sự khác biệt trong nhóm nữ cao tuổi, tuổi tác và khu vực sống. Nghiên cứu ở Tp. Cần Thơ cho thấy, thu nhập bình quân của NCT cũng tương đối khá, nhưng vẫn thấp hơn so mặt bằng chung của thành phố là 0,7 triệu đồng. Có sự phân hóa thu nhập giữa nhóm thu nhập cao nhất và thấp nhất, giữa các nguồn tạo ra thu nhập. Điều này cho thấy có sự chênh lệch giữa các nhóm NCT. Trong đó, lương hưu là một trong những nguồn thu nhập ổn định và có thể đảm bảo cuộc sống cho NCT. Sự dịch chuyển công việc của NCT cũng được thấy rõ, nhóm NCT trước đây làm công chức, viên chức và công nhân ở các doanh nghiệp ngoài nhà nước thì có sự dịch chuyển nhiều nhất, bởi vì họ hết tuổi lao động theo quy định của Nhà nước. Đa số NCT ở Tp. Cần Thơ vẫn sống chung với người bạn đời và con cháu. Rõ ràng, mô hình gia đình truyền thống vẫn còn đan xen với gia đình hạt nhân. Sở dĩ như vậy là do thành phố đang ở giai đoạn già hóa dân số cho nên có sự quá độ trong quá trình chuyển đổi cấu trúc gia đình. Khuôn mẫu giới vẫn còn chi phối nhu cầu giao lưu của NCT. Mỗi nhóm NCT có hoàn cảnh khác nhau thì tham gia hoạt động trong thời gian rỗi khác nhau, chẳng hạn mức sống, có lương hưu hay không và giới tính. Từ những bằng chứng nghiên cứu về đời sống của NCT, một số kiến nghị hàm ý chính sách được gợi ý như sau:

Thứ nhất, lương hưu có ý nghĩa quan trọng đối với sự ổn định cuộc sống của NCT, cho nên khuyến khích thế hệ trẻ tham gia bảo hiểm xã hội cả tự nguyện và bắt buộc để có cuộc sống tốt hơn khi về già; cần đa dạng hóa nguồn hỗ trợ để góp phần cải thiện thu nhập cho NCT. Các khoản hỗ trợ của nhà nước cần đảm bảo cho NCT đạt được mức sống tối thiểu.

Thứ hai, một trong những rào cản khiến NCT khó khăn khi quay lại thị trường lao động là sự phân biệt đối xử theo tuổi. Do đó, cần có những biện pháp khuyến khích người sử dụng lao động giảm phân biệt đối xử theo tuổi và hỗ trợ thông tin việc làm, kiến thức, kỹ năng và thậm chí các nguồn vốn vay tạo việc làm cho NCT để giúp họ có thể tham gia vào thị trường lao động sau khi hết tuổi lao động theo quy định trong các cơ quan và doanh nghiệp ngoài nhà nước. Điều này giúp thành phố thích ứng với già hóa dân số.

Thứ ba, tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe và chăm sóc xã hội cho NCT. Một trong những vấn đề của tuổi già là sức khỏe, trong khi đó các dịch vụ chăm sóc NCT ở thành phố còn hạn chế. Do đó, thành phố cần có chiến lược đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe NCT, xây dựng chiến lược phát triển NCT chuyên ngành lão khoa, thiết lập môi trường thân thiện với NCT; bên cạnh đó, bản thân NCT tích cực tham gia tập thể dục để rèn luyện sức khỏe.

Thứ tư, tiếp tục phát huy phong trào “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo” trong bối cảnh hiện nay. Điều này phát huy được vai trò của NCT trong gìn giữ văn hóa gia đình và tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình.

Thứ năm, thành phố cần chú ý lồng ghép giới trong hoạt động chăm sóc và hỗ trợ NCT bởi lẽ, nghiên cứu cho thấy, nữ giới cao tuổi có nguy cơ đối diện với nhiều thách thức như sức khỏe, thu nhập.

Cuối cùng, nhu cầu giao lưu của NCT là nhu cầu chính đáng, song do giới hạn sức khỏe và tuổi tác thì nhu cầu này cũng bị ảnh hưởng, đặc biệt khi khuôn mẫu giới chi phối. Thành phố cần quan tâm đến môi trường thân thiện đối với NCT như xây dựng các thiết chế văn hóa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của NCT. Qua đó, hỗ trợ các biện pháp giúp cho NCT giao lưu xã hội nhiều hơn, điều này không chỉ giúp NCT vui bớt sự cô đơn mà cải thiện được tình trạng sức khỏe tinh thần của họ. Vì thế, cần hướng dẫn NCT sử dụng công nghệ và hỗ trợ kết nối internet, tạo sự gắn kết hơn với thế hệ trẻ.

Tài liệu tham khảo

1. Adu-bediaka, I. 2013. “Causes and interventions of loneliness and isolation on wellbeing of elderly in Finland”, (<https://www.theseus.fi/bitstream/handle/10024/69558/final.pdf?sequence=1&isAllowed=y>).
2. Nguyễn Quốc Anh. 2018. “Già hóa dân số và chất lượng cuộc sống người cao tuổi ở Việt Nam”. Tạp chí *Xã hội học*, số 4(144).
3. Trần Thị Vân Anh. 2008. “Người cao tuổi và gia đình”. Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 2.
4. Aon. 2017. *An Ageing Population a Threat or an Opportunity for Your Business*. England & Wales No. 3127195. Registered office: Briarcliff House Kingsmead Farnborough GU14 7TE. Copyright 2017 Aon Inc.
5. Ban đại diện người cao tuổi thành phố Cần Thơ. 2020. *Báo cáo phát huy vai trò của người cao tuổi năm 2020*.
6. CESCR. 1995. “General Comment No. 6”. *The economic, social and cultural rights of older persons*.
7. Cục Thống kê thành phố Cần Thơ. 2019. *Kết quả điều tra dân số và nhà ở 2019, thành phố Cần Thơ*.
8. Lê Xuân Cừ và Phạm Hải Hưng. 2018. “Xu thế già hóa dân số ở nước ta hiện nay và yêu cầu nâng cao chất lượng sống của người cao tuổi”, (<http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/chuong-trinh-1125/2018/52239/Xu-the-gia-hoa-dan-so-o-nuoc-ta-hien-nay-va.aspx>).

9. Diener, E., Emmons, R. A., Larsen, R. J., and Griffin, S. 1985. "The Satisfaction with Life Scale". *Journal of Personality Assessment*, 49, p71 - 75.
10. Economic and Social Affairs. 2013. *World Ageing population 2013*. United Nation, New York.
11. Foot, D.K. 2008. *Some Economic and Social Consequences of Population*. IRPP.
12. Government office for Science. 2016. *Future of an ageing Population*. London.
13. Harvey, S.A. 1993. "Quality of Life and the Use of Time Theory Measurement". *Journal of Occupational Science*. Australia. Vol 1, No 2, p. 27-30.
14. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. 2011. *Điều tra về Người cao tuổi Việt Nam: Các kết quả chủ yếu*. Nxb. Phụ nữ. Hà Nội.
15. <https://www.nhs.uk/conditions/stress-anxiety-depression/loneliness-in-older-people/>; accessed 29th march, 2020.
16. ILO. 1967. "Convention C128 - Invalidity, Old-Age and Survivors' Benefits Convention", (No. 128).
17. Jaafar, H. Mohamad and Romil, H. Muhamad. 2019. "Using technology to help the elderly cope with loneliness", (<https://www.thestar.com.my/lifestyle/health/2019/11/21/technology-helps-combat-loneliness-among-elderly>).
18. Lê Văn Khâm. 2014. "Vấn đề về người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay". Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 7(80).
19. Chu Khắc. 1988. "Vấn đề quỹ thời gian trong sinh hoạt gia đình hàng ngày". Tạp chí *Xã hội học*, số 3,4.
20. Kumagai, S. 2019. "Thailand's Efforts to cope with a rapidly Aging population - Can Thailand become a trailbazer for other middle- income coutries struggling with demographic Ageing?". *Pacific business and Industries*, Vol XIX, 2019, No 71.
21. Văn Thị Ngọc Lan. 2008. "NCT với vấn đề chăm sóc sức khỏe". Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 12(124).
22. Giang Thanh Long và Đỗ Thị Thu. 2019. "Chính sách an sinh xã hội đối với già hóa dân số ở Việt Nam". Tạp chí *Nghiên cứu Lập pháp*, số 2+3.
23. Trịnh Duy Luân. 1992. "Một số vấn đề nghiên cứu về người già từ góc độ xã hội học". Tạp chí *Xã hội học*, số 2.
24. Dương Huy Lương. 2010. "Nghiên cứu chất lượng cuộc sống người cao tuổi và thử nghiệm giải pháp can thiệp ở huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương". *Luận án Tiến sĩ Y học*. Học viện Quân y. Hà Nội.
25. Nguyễn Thị Xuân Mai. 2019. "Đo lường sự hài lòng của cuộc sống", (<http://consosukien.vn/do-luong-su-hai-long-voi-cuoc-song.htm>).
26. Bé Quỳnh Nga. 2005. "Chiến lược sống của người cao tuổi trước những biến đổi của gia đình nông thôn hiện nay". Tạp chí *Xã hội học*, số 1(89).

27. Mai Phuong. 2011. “Thách thức già hóa dân số ở Việt Nam”. Tạp chí *Con số và sự kiện*, số 8.
28. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2009. *Luật Người cao tuổi*.
29. Takao, Y. 2009. “Ageing and Political Participation in Japan”. *Asian Survey*, Volume XLIV, No 5, p 852 - 872.
30. Lê Thi. 2011. “Xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam hiện nay và việc phát huy vai trò tích cực của người cao tuổi”. Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 5.
31. Dương Chí Thiện. 2001. “Người cao tuổi và sự sắp xếp cuộc sống trong gia đình hiện nay - tác động của những yếu tố kinh tế - xã hội, văn hóa”. Tạp chí *Xã hội học*, số 1(73).
32. Phan Thuận. 2020a. “Đời sống xã hội của người cao tuổi ở đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh già hóa dân số”. Tạp chí *Khoa học xã hội Nam Bộ*, số 4.
33. Phan Thuận. 2020b. “Ảnh hưởng của già hóa dân số đối với phát triển kinh tế - xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long”. *Báo cáo nghiên cứu đề tài cơ sở*. Học viện Chính trị khu vực IV, thành phố Cần Thơ.
34. Tổng cục Thống kê. 2017. *Kết quả chủ yếu của điều tra dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1/4/2016*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
35. Tổng cục Thống kê. 2019. *Kết quả điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
36. Tổng cục Thống kê. 2020. *Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình năm 2019*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
37. UNFPA. 2011. “Già hóa dân số và người cao tuổi Việt Nam: Thực trạng, dự báo và một số khuyến nghị”. Hà Nội.
38. UNFPA. 2014. Báo cáo tóm tắt chính sách: “Bảo đảm thu nhập cho người cao tuổi ở Việt Nam: Lương hưu xã hội”. Hà Nội.